

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN BÙ ĐĂNG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Bản án số: 115/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 13/12/2023

“Về: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân

1. Ông Trần Đức Hòa

2. Bà Lê Thị Thận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh – Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện
Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Trong ngày 13 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 185/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2023, về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 293/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn I, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Anh Ma Văn T, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn I, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 30/9/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:*

Chị và anh Ma Văn T đã yêu tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn trong gia đình. Nguyên nhân do cả hai không có tiếng nói chung, cư xử của mỗi người khác nhau và bất đồng về cách giáo dục con cái. Hiện nay, chị thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Ma Định S, sinh năm 2012 và Ma Trọng N, sinh năm 2017. Nguyên vọng của chị sau khi ly hôn là được giao cả hai con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Quá trình giải quyết vụ án anh Ma Văn T trình bày:* Anh xác nhận anh và chị Nguyễn Thị L tự nguyện chung sống từ năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do từ năm 2019 chị L đi làm công ty xa nhà nên vợ chồng không có tiếng nói chung, không còn hòa thuận. Từ năm 2020 đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm nhau. Hiện nay, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh và chị L có 02 con chung là Ma Định S, sinh năm 2012 và Ma Trọng N, sinh năm 2017. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung cho đến khi thành niên. Không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay chị L và anh T vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L và anh T.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Ma Văn T tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân, được Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 07/2014, quyển số 01/2013 ký ngày 17/01/2014, nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T là hôn nhân là hợp pháp.

Chị L và anh T chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cả hai không có tiếng chung, bất đồng về quan điểm sống. Ngoài ra vợ chồng không có tiếng nói chung, không thể gần gũi nói chuyện với nhau những vấn đề trong cuộc sống. Từ năm 2020 vợ chồng sống ly thân cho đến nay, quá trình sống ly thân mạnh ai nấy sống, không quan tâm nhau. Chị L cho rằng hiện nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T; Anh T xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên đồng ý ly hôn với chị L tuy nhiên do bận công việc không thể đến Tòa án thường xuyên nên giải quyết vắng mặt, không tham gia hòa giải về quan hệ hôn nhân và đề nghị Tòa án nhanh chóng đưa vụ án ra xét xử;

Như vậy, thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị L là có cơ sở cần được chấp nhận.

Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung là Ma Định S, sinh năm 2012 và Ma Trọng N, sinh năm 2017. Cả chị L và anh T đều đề có nguyện vọng giao 02 con chung cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Vì vậy cần ghi nhận sự thỏa thuận của chị L và anh T.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị L và anh T không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147, 161, 218 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Nguyễn Thị L** đối với bị đơn **Ma Văn T**; Xử cho chị **Nguyễn Thị L** được ly hôn với anh **Ma Văn T**.

2. Về con chung: Giao con chung của chị **L** và anh **T** là **Ma Định S**, sinh năm 2012 và **Ma Trọng N**, sinh năm 2017 cho anh **T** trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Đồng thời có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị **Nguyễn Thị L** phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001254 ngày 13/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- UBND xã Bom Bo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

(Đã ký)

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Huệ

